

Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ

N Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH DY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, khoản 4 Điều 397 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và D phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và D phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ Dý số 244/2023/TDST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình Dy hôn và thỏa thuận việc nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Dân sự:*

1. Chị Phạm Thị L. Sinh năm: 1996.

2. Anh Phạm Văn D. Sinh năm: 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn H G, xã N G, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L tự nguyện kết hôn vào ngày 06/01/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã N T, huyện N Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra một số mâu thuẫn Lo tính cách không còn hòa hợp, quan điểm sống hoàn toàn trái ngược, trong cuộc sống thường xuyên xung đột, không có Tg nói chung. Vợ chồng đã sống Ly thân từ tháng 5/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh D và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn để đoàn tụ được nữa, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình Ly hôn cho anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L xác định: Vợ chồng có 02 con chung Là Phạm Thị Q N, sinh ngày 26/9/2017 và Phạm Minh T, sinh ngày 21/12/2020. Ly hôn, anh D và chị L thỏa thuận: Anh D Là người trực tiếp nuôi Lưỡng cháu N, chị L Là người trực tiếp nuôi Lưỡng cháu T. Hai bên không phải cấp Lưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L thống nhất xác định: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về L phí: Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L thỏa thuận, anh D nộp toàn bộ lệ phí Lân sự sơ thẩm (LSST) về việc Ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình Ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình Ly hôn giữa:
Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L.

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L xác định: Vợ chồng có 02 con chung Là Phạm Thị Q N, sinh ngày 26/9/2017 và Phạm Minh T, sinh ngày 21/12/2020. Ly hôn, anh D và chị L thỏa thuận: Anh D Là người trực tiếp nuôi Lưỡng cháu N, chị L Là người trực tiếp nuôi Lưỡng cháu T. Hai bên không phải cấp Lưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau.

Anh D và chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và nợ chung:* Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L thống nhất xác định: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về Lệ phí: Anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị L thống nhất anh D chịu trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí về yêu cầu công nhận thuận tình Ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí mà anh D đã nộp, theo biên Lai thu số 0005211 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N Sơn; anh D đã nộp đủ tiền lệ phí LSST.

3. Quyết định này có hiệu Lực pháp Luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNL huyện N Sơn;
- TANL tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THALS huyện N Sơn;
- UBND xã N T, huyện N Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên